

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày 09-5-2022

V/v “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

2/ Ông Nguyễn Công Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 191/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thiện N, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hồ Thị L, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/202 và trong quá trình tố tụng chị Huỳnh Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Trần Thiện N đăng ký kết hôn ngày 07/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân. Thời gian đầu, chị và anh N chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không lo làm ăn, uống rượu nhiều và có qua lại với người phụ nữ khác. Do con còn nhỏ và chị cũng cố gắng khuyên để anh N thay đổi nên chưa ý định ly hôn. Qua một thời gian nhưng anh N không thay đổi nên tháng 8/2019 chị và anh N sống ly thân đến nay. Mâu thuẫn giữa chị và anh N đã gay gắt không thể tiếp tục chung sống nên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N.

Chị và anh Trần Thiện N có 01 con chung tên: Trần Huỳnh Thiện A, sinh ngày 17/02/2011. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Tài sản chung: 02 con bò cái, 02 con heo nái, 02 con bò đực 12 tháng tuổi, 20 con heo con, 05 con dê nái. Cuối năm 2020 chị bán 02 con bò cái 65.000.000 đồng, 01 con heo nái 4.000.000 đồng, 02 con bò đực 65.000.000 đồng để trả nợ; riêng 20 con heo con và 05 con dê nái bị dịch chết vào khoảng 12/2019. Hiện còn 01 con heo nái trị giá 5.000.000 đồng.

Nợ chung: Số nợ cha ruột là ông Huỳnh Văn Hoàng 50.000.000 đồng và số nợ Ngân hàng Agribank 40.000.000 đồng chị đã trả xong. Chỉ còn nợ tiền thức ăn của ông Nguyễn Văn Ba là 111.898.000 đồng còn những khoản nợ khác mà anh N trình bày thì chị không biết. Khi ly hôn, chị yêu cầu chị và anh N trả tiền thức ăn cho ông Ba nhưng ông Ba không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên chị cũng không yêu cầu giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 5 năm 2021 anh Trần Thiện N trình bày:*

Anh và chị T kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Xuân. Tháng 9/2019 anh và chị T bất đồng quan điểm, anh không phụ chăm sóc con và công việc làm ăn nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và từ đó sống ly thân. Thời gian đầu mới ly thân, anh có gọi điện cho chị T và mẹ anh cũng khuyên chị T hàn gắn nhưng chị T không có thiện chí hàn gắn. Anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Con chung: Cháu Trần Huỳnh Thiện A, sinh ngày 17/02/2011; anh không tranh chấp nuôi con. Nếu chị T nuôi con thì anh không cấp dưỡng, anh sẽ cho con tùy khả năng của anh.

Khi anh và chị T sống ly thân thì chị T quản lý tài sản chung: 02 con bò cái, 02 con bò đực 12 tháng tuổi. Ngoài ra còn heo con và dê nhưng anh không rõ số lượng. Tài sản chung anh không yêu cầu giải quyết.

Và khi anh và chị T sống ly thân thì còn nợ ông Huỳnh Văn Hoàng 30.000.000 đồng, nợ Ngân hàng Agribank Ba Tri là 30.000.000 đồng, nợ tiền thức ăn của ông Nguyễn Văn Ba nhưng không rõ là bao nhiêu, nợ Ngân hàng chính sách 50.000.000 đồng, nợ tiền mua hòm của ông Kiên (không rõ họ tên địa chỉ) 15.000.000 đồng, nợ

mẹ ruột Hồ Thị L 01 chiếc lắc vàng 18k mượn vào khoảng năm 2017 (không rõ bao nhiêu chỉ). Từ khi sống ly thân thì anh không rõ số tiền nợ chị T trả hay chưa. Số nợ này thì anh chưa yêu cầu giải quyết.

* Theo công văn số 424 ngày 19/10/2021 của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre - Phòng giao dịch huyện Ba Tri xác nhận. Ngày 12/02/2019 bà Hồ Thị L có đề nghị vay vốn nuôi bò số tiền 50.000.000 đồng, ngày 17/02/2019 Ngân hàng chính sách huyện duyệt cho bà Loan vay số tiền vay 50.000.000 đồng, ngày 17/3/2020 có trả 3.000.000 đồng còn nợ 47.000.000 đồng. Trong hồ sơ vay được Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân xác nhận, trên giấy ủy quyền để thực hiện giao dịch với Ngân hàng có bà Loan và anh Trần Thiện N không có tên là Huỳnh Thị Thanh T.

* Theo công văn số 320 ngày 21/10/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Ba Tri trả lời. Sau khi kiểm tra, rà soát thông tin của khách hàng Huỳnh Thị Thanh T và Trần Thiện N thì không phát sinh vay vốn tại Ngân hàng.

* Theo bản tự khai ngày 03/6/2021 ông Huỳnh Văn Hoàng trình bày: Khi chị T và anh N sống ly thân thì còn nợ ông số tiền 50.000.000 đồng nhưng chị T đã trả cho ông rồi vào tháng 12/2020.

* Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 09/3/2022 ông Nguyễn Văn Ba ý kiến: Số tiền thức ăn chị T và anh N còn thiếu 111.898.000 đồng của ông thì ông không yêu cầu giải quyết chung trong vụ án này mà để cho vợ chồng chị T trả dần cho ông còn nếu ông đã cho trả dần mà không trả thì ông sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

* Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 08/12/2021 của bà Hồ Thị L trình bày: Năm 2019 bà có vay Ngân hàng chính sách huyện Ba Tri số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay đưa tiền cho chị T và anh N làm ăn. Sau khi nhận tiền vay thì bà giao tiền hết cho chị T và anh N. Tiền lãi do chị T và anh N trả. Khi chị T và anh N sống ly thân thì anh N có trả cho Ngân hàng vốn và lãi 3.000.000 đồng. Nay chị T và anh N ly hôn thì bà yêu cầu anh N và chị T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 47.000.000 đồng để bà trả lại Ngân hàng, bà không yêu cầu tính lãi. Ngày 28/4/2022 bà Loan xin rút đơn yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chị T và anh N trả số tiền 47.000.000 đồng và yêu cầu giải quyết vắng mặt.

* Theo biên bản lấy ý kiến ngày 06/5/2021 cháu Trần Huỳnh Thiện A có nguyện vọng sống với chị T.

* *Tại Tòa:*

Nguyên đơn chị T trình bày: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với anh Trần Thiện N. Chị yêu cầu nuôi cháu Trần Huỳnh Thiện A, sinh ngày 17/02/2011 không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung: Số nợ tiền thức ăn của ông Nguyễn Văn Ba, do ông Ba không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên chị cũng không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục, thể hiện vô tư, khách quan. Đối với đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn anh N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị L có đơn xin vắng mặt nên việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh N, bà Loan là phù hợp. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị T và anh N kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do anh N không chăm lo cho gia đình dẫn đến mâu thuẫn, anh N được gia đình khuyên nhưng không thay đổi nên mâu thuẫn trầm trọng. Con chung: Chị T yêu cầu nuôi cháu Huỳnh Thiện A, sinh năm 2011; cháu Ân có nguyện vọng sống với chị T. Anh N thì không tranh chấp nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Số nợ tiền thức ăn của ông Nguyễn Văn Ba nhưng ông Ba không tranh chấp trong vụ án này và chị T và anh N cũng không tranh chấp. Ghi nhận sự tự nguyện rút đơn yêu cầu của bà Loan đối chị T và anh N yêu cầu trả số tiền 47.000.000 đồng. Căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T về việc yêu cầu ly hôn với anh N. Giao cháu Ân cho chị T nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đình chỉ yêu cầu của bà Loan yêu cầu anh N và chị T, đối với khoản vay Ngân hàng chính sách huyện Ba Tri 47.000.000 đồng.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Thiện N được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh N, bà Loan là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Trần Thiện N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân (Ba Tri-Bến Tre) vào ngày 07/5/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh N không có sự quan tâm, chia sẻ, thương yêu lẫn nhau nên xảy ra mâu thuẫn. Tuy anh N không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí hàn gắn. Từ đó thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào quy

định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N.

[2] Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi cháu Trần Huỳnh Thiện A, sinh ngày 17/02/2011. Hiện do chị T nuôi dưỡng cháu Ân và cháu Ân cũng có nguyện vọng sống với chị T. Do đó, giao cháu Ân cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Nợ chung: Đối với số tiền thức ăn của ông Nguyễn Văn Ba thì ông Ba không tranh chấp và chị T, anh N cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Bà Hồ Thị L có đơn rút đơn yêu cầu độc lập, việc bà Loan rút đơn yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Loan.

[6] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Huỳnh Thị Thanh T phải nộp. Án phí dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị L rút đơn yêu cầu nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí nhưng bà Loan thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 217, 244, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Thanh T đối với anh Trần Thiện N.

2. Con chung: Chị Huỳnh Thị Thanh T nuôi cháu Trần Huỳnh Thiện A, sinh ngày 17/02/2011. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Thiện N có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Hồ Thị L về việc yêu cầu chị T và anh N trả số tiền 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Huỳnh Thị Thanh T phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000403 ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị T đã nộp xong.

Do bà Hồ Thị L thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Tân Xuân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Hạnh

